TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM *Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

Bản án số: 146/2025/HSST
Ngày: 27/10/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: **Ông Phạm Đồng Trưng**
Hội thẩm nhân dân: - **Bà Phạm Thị Bích Hợp**
- **Bà Huỳnh Thị Thanh Hà**
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Phạm Hồng Lê**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên toà:* **Bà Phạm Thị Nhung** *- Kiểm sát viên*

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 173/2025/HSST ngày 06/10/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (Tên khác: Không), sinh năm 1967; Giới tính: Nam; (có mặt)

HKTT: Tổ *, phường M, quận H, thành phố H (nay là phường T, thành phố H)

Nơi ở: Không nơi ở cố định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 5/10; Họ tên Bố : Nguyễn Văn V (đã chết); Họ tên Mẹ: Đào Thị N (đã chết); Gia đình có 03 anh chị em ruột, bị cáo là thứ ba;

Nhân thân:

- Năm 1984, CAQ H XPHC về hành vi Trộm cắp tài sản (đã hết thời hiệu)
- Năm 1989, CAQ H XPHC về hành vi Đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc (đã hết thời hiệu)
- Năm 1990, CAQ H XPHC về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (đã hết thời hiệu)
- Bản án số 118 ngày 7/10/1987, TAND quận H xử 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích) trị giá tài sản dưới 2 triệu đồng.
- Bản án số 159 ngày 06/05/1993, TAND quận H xử 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.(Không xác định giá trị tài sản, được xóa án tích theo Nghị quyết 229/2000/NQ-UBTVQH10 hướng dẫn thi hành Bộ luật hình sự 1999)
- Bản án số 221 ngày 13/04/1995, TAND thành phố H xử 3 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (không có hồ sơ thi hành án). Đã xóa án tích
- Bản án số 988 ngày 30/06/1999, TAND thành phố H xử 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã nộp án phí). Đã xóa án tích

- Bản án số 380 ngày 21/05/2003, TAND thành phố H xử 7 năm 6 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy((đã nộp án phí). Đã xóa án tích

- Bản án số 209 ngày 22/06/2010, TAND quận H xử 36 tháng từ về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã nộp án phí). Đã xóa án tích

- Bản án số 74 ngày 30/03/2015, TAND quận H xử 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy(ra trại ngày 28/8/2000, đã nộp án phí). Đã xóa án tích

Bắt quả tang 17/4/2025; Tạm giữ: 18/4/2025 ; Tạm giam từ ngày 24/4/2025 và hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số *, Công an thành phố H.

2. Họ và tên: **Duy T** (Tên khác: Không), sinh năm 1968; Giới tính: Nam (có mặt)

HKTT và nơi ở: Số **, ngõ * phố T, phường K, quận Đ (nay là phường K, thành phố H)

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/10; Bố đẻ: Duy M (đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1941; Gia đình có 04 anh em ruột, bị cáo là thứ ba;

Nhân thân:

- Bản án số 230 ngày 28/10/1992, TAND quận H xử 9 thàng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích). Trộm cắp dưới 2 triệu đồng

- Bản án số 424 ngày 11/11/1993, TAND quận H xử 20 tháng về tội Cướp tài sản (đã xóa án tích)

- Bản án số 1661 ngày 28/10/1999, TAND TP H xử 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích)

- Bản án số 31 ngày 12/02/2004, TAND quận Đ xử 10 tháng về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích)

- Ngày 14/11/1986, CAH N XPHC về hành vi Trộm căp tài sản (đã hết thời hiệu)

- Năm 1989, Trộm cắp tài sản, CAQ H XPHC về hành vi Trộm căp tài sản (đã hết thời hiệu)

- Ngày 28/03/1992, CAH T XPHC về hành vi cố ý gấy gây thương tích (đã hết thời hiệu).

Bắt quả tang 17/4/2025; Tạm giữ: 18/4/2025 ; Tạm giam từ ngày 24/4/2025 và hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số *, Công an thành phố H.

**** Người bị hại:*** **Chị Trần Thùy T**, sinh năm : 2002

HKTT: H, H, N (nay là xã H, tỉnh N). (Vắng mặt)

**** Người làm chứng :*** **1. Doãn Phạm Khánh P**, sinh năm 2006

Nơi ở hiện tại : Số **, ngõ *** N, phường V, thành phố H. (Vắng mặt)

2. Phạm Minh H sinh năm 2006

Nơi ở hiện tại : số **B ngách **, ngõ *** X, phường C, thành phố H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và bị cáo Duy T là bạn bè quen biết xã hội với nhau. Khoảng 7 giờ sáng ngày 17/04/2025, Nguyễn Văn T gọi điện cho Duy T hẹn 12 giờ cùng ngày đến đón T tại khu vực Chợ M để xuống khu vực L tìm nhà trọ để thuê. Khoảng 12

giờ trưa cùng ngày, T điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS: 29D2-21***, số khung: RLHJA3906HY620080; số máy: JA39E – 0595227 đến chợ M đến đón T theo như đã hẹn với nhau. Sau đó, T đèo T di chuyển từ khu vực chợ M đến đường L, theo hướng từ L đi cầu T. Quá trình di chuyển trên đường L, T quan sát thấy chị Trần Thùy T (SN: 2002, HKTT: T, H, N (nay là xã H, tỉnh N) đang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision BKS: 18HA – 090.** lưu thông cùng chiều trên đường L trong túi áo khoác bên trái của chị T có để 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung A15 màu xanh dương (IMEI 1: 357371923756197, IMEI 2: 357371923756197) bị thò ra ngoài. Khi nhìn thấy chiếc điện thoại của chị T, T, T đã nảy sinh ý định cướp giật chiếc điện thoại trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. T điều khiển xe máy áp sát xe máy của chị T đang điều khiển. Khi đi đến trước số *** L, Phường M, H, H (nay là phường T), T điều khiển xe áp sát chị T, T nhanh chóng dùng tay phải giật lấy chiếc điện thoại ra khỏi túi áo khoác bên trái của chị T. Sau khi lấy được chiếc điện thoại, T và T nhanh chóng tẩu thoát thì chiếc điện thoại T cầm trên tay bị rơi xuống đất. Chị T quay ra thấy sự việc liền hô hoán "Cướp, Cướp" và đuổi theo T, T bỏ chạy. T điều khiển xe đèo theo T ngồi sau bỏ chạy theo hướng đi V, đến đoạn ngã tư đường L giao với ngõ 1** L, T rẽ phải chạy dọc theo đường bờ sông. Khi đến trước số *** T, phường H, quận H, H (nay là T) thì T và T bị chị T và người dân bắt quả tang và bàn giao cho CAP M giải quyết.

Vật chứng của vụ án đã thu giữ:

Tạm giữ của Duy T:

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS: 29D2-216.85, số khung: RLHJA3906HY620080, số máy: JA39E – 0595227.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu ghi. (BL: 142).

Tạm giữ của Nguyễn Văn T:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 pro màu ghi. (BL: 132).

Ngoài ra anh Nguyễn Đức Đ (ĐKHKTT: Số *8 ngõ *** B, phường B, thành phố H) đã giao nộp 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung A15 màu xanh dương, IMEI 1: 357371923756197, IMEI 2: 357371923756197, đã qua sử dụng. (BL: 78) do anh Đ nhặt được khi T cướp giật xong của chị T và bị rơi xuống đường.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu định giá đối với tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số 85 ngày 06/05/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A15 màu xanh dương, IMEI 1: 357371923756197, IMEI 2: 357371923756197, đã qua sử dụng có giá là 3.000.000 đồng. (BL: 45).

Ngày 22/07/2025, Cơ quan CSĐT Công an H đã trao trả lại ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung A15 màu xanh dương, IMEI 1: 357371923756197, IMEI 2: 357371923756197 cho chị Trần Thủy T, chị T nhận lại điện thoại và không có yêu cầu gì.

Đối với xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh BKS: 29D2-216.85, số khung: RLHJA3906HY620080, số máy: JA39E – 0595227 thu giữ của T. Qua xác minh là xe của cho anh Duy Q (SN: 1961, HKTT: Số ** Ngõ * T, K, TP. H). anh Q cho T mượn xe đi, việc T sử dụng xe đi cướp giật tài sản anh Q không biết. Cơ quan

CSĐT Công an thành phố H đã trao trả chiếc xe trên cho anh Q, anh Q nhận lại xe và không có ý kiến gì.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu ghi của T, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 pro màu ghi của T. Toàn bộ số vật chứng chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, thành phố Hà Nội để chờ quyết định xử lý.

Tại bản cáo trạng số 151/CT-VKS ngày 30/9/2025, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Hà Nội truy tố Nguyễn Văn T và Duy T về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Duy T đều công nhận nội dung bán cáo trạng, khai nhận hành vi như đã khai tại Cơ quan điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Hà Nội giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị kết tội các bị cáo về tội "Cướp giật tài sản".

Ap dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, điều 38, 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Duy T mức hình phạt từ: 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về tang vật: Trả lại cho bị cáo Duy T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu ghi đã qua sử dụng ; Trả lại cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 pro màu ghi đã qua sử dụng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về dân sự: Người bị hai không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thực hiện hành vi phạm tội:

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Duy T đều công nhận nội dung bản cáo trạng, khai nhận đã thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A15 màu xanh dương của chị T. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận : Khoảng 12 giờ 45 sáng ngày 17/04/2025, Khi đi đến trước số *** L, P. M, H, H (nay là phường T) Duy T sử dụng phương tiện xe máy chở sau Nguyễn Văn T ngồi sau chủ động áp sát chị Trần Thùy T để Nguyễn Văn T nhanh chóng dùng tay phải lấy chiếc điện thoại ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung A15 màu xanh dương ở túi áo khoác bên trái của chị T trị giá 3.000.000 đồng.

[2]. Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo Nguyễn Văn T và Duy T đã dùng phương tiện là xe máy để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, giá trị tài sản cướp giật là 3.000.000 đồng, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người chủ mưu, trực tiếp thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại, bị cáo Duy T là người giúp sức điều khiển xe áp sát vào xe của chị T để tạo điều kiện cho T chiếm đoạt điện thoại của chị T, do đó cần áp dụng mức hình phạt đối với T cao hơn mức hình phạt đối với Duy T.

[3]. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Các bị cáo đều đã trưởng thành và đều nhiều lần bị xử lý hình sự đáng lẽ phải hiểu biết pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam cách ly các bị cáo trong một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo cũng như phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên toà khai báo thành khẩn, nên khi áp dụng hình phạt cần xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[4]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên Công an Tp H, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hàng tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5]. Về số tài sản Các bị cáo chiếm đoạt của chị T đã được thu hồi trả lại cho chị T, chị T không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với chị T.

[6]. Về tang vật: Trả lại cho bị cáo Duy T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu ghi ; Trả lại cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 pro màu ghi do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo không nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 171 BLHS đối với các bị cáo.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**** Vì các lẽ trên***:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Nguyễn Văn T và Duy T phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Hình phạt

Áp dụng: Điểm d khoản 2 điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 04(bốn) năm** tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2025.

Xử phạt: **Duy T 03(ba) năm 06(sáu)** tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2025.

Không áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 171 BLHS đối với các bị cáo

3. Án phí, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo:

Áp dụng:

+ Điều 46 Bộ luật hình sự

+ Điều 106, 135, 331, 333 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Trả lại cho bị cáo Duy T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu ghi đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 8 pro màu ghi đã qua sử dụng.

Tang vật, vật chứng hiện đang được giữa tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Hà Nội theo biên bản giao nhận tang vật, vật chứng ngày 23/10/2025

Bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Duy T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 3 - HN;
- Phòng THA Khu vực 3;
-Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
(thay thông báo);
- Bị cáo, bị hại,
- L- u HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Đồng Trưng